

CÔNG TY CP TM XNK THIÊN NAM



TENIMEX

Là giải pháp của bạn

B Á O C Á O

THƯỜNG NIÊN

2018



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

03

THÔNG TIN TỔNG QUÁT

06

**Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển
Ngành Nghề Và Địa Bàn Kinh Doanh
Cơ Cấu Tổ Chức**

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

18

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

22

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

33

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

48

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ Tịch
NGUYỄN QUANG HÒA

Kính gửi: Quý khách hàng, các Nhà đầu tư và đối tác!

Đại diện CBNV Công ty Cổ phần Thương Mại - XNK Thiên Nam, Tôi xin gửi tới toàn thể các Quý khách hàng, Nhà đầu tư và các đối tác của Công ty lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng nhất!

Tiền thân là Doanh Nghiệp thương mại dịch vụ cấp quận, Công ty Thiên Nam chính thức chuyển sang mô hình Cổ phần vào năm 2000 với vốn điều lệ ban đầu 13 tỷ đồng. Đến nay, sau 18 năm hoạt động, Thiên Nam đã và đang hoạt động trên nhiều lĩnh vực chính gồm: kinh doanh sắt thép, bất động sản, phân phối thực phẩm, phân phối điện máy và đầu tư giáo dục. Bằng sự chủ động sáng tạo, linh hoạt, chủ động trong tư duy và hành động, Thiên Nam đã và đang cố gắng không ngừng rèn luyện, nâng cao năng lực thực tại, chuẩn bị vững chắc mọi phương án cho tương lai. Từ đó, Công ty đã có những bước phát triển không ngừng lớn mạnh, trở thành doanh nghiệp uy tín trong các lĩnh vực kinh doanh, mang lại niềm tin cho khách hàng và đối tác.

Vì những cố gắng không ngừng, vì sự tin yêu mà khách hàng, đối tác đã giao phó, Thiên Nam rất tự hào khi năm 2017 được lọt vào top 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng của VNR500. Chúng tôi cam kết rằng Thiên Nam không chỉ mang lại giá trị kinh tế bền vững cho doanh nghiệp và đối tác đầu tư mà còn mang lại các giá trị ưu việt mới, góp phần tạo nên sự thịnh vượng chung cho cá nhân và cộng đồng.

Cam kết này cũng là lời tri ân sâu sắc mà tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên Thiên Nam xin gửi tới Quý khách hàng, các nhà đầu tư và các đối tác – những người đã, đang và sẽ đồng hành cùng chúng tôi trên chặng đường tìm “giải pháp” cho sự phát triển ổn định, chung tay xây dựng hệ sinh thái các doanh nghiệp Việt Nam thịnh vượng và phát triển bền vững.

Thiên Nam mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác chặt chẽ hơn nữa từ Quý khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước giúp Công ty Cổ phần Thương Mại - XNK Thiên Nam luôn là thương hiệu đáng tin cậy trong hiện tại và tương lai.

Kính chúc Quý vị lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

— Chủ Tịch



NGUYỄN QUANG HÒA

A hand is shown pointing towards a globe. The globe is overlaid with various digital elements: a bar chart, a line graph, and several human silhouettes. Dotted lines connect different points on the globe, suggesting a network or data flow. The background is a solid light blue color.

THIÊN NAM

VƯƠN TẦM CAO MỚI

II. THIÊN NAM 2018 – VƯỜN TẦM CAO MỚI

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT TNA

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, số 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. HCM

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: **0301172041** do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2000.

Vốn điều lệ: **301.270.450.000 đồng.**

Mã chứng khoán: **TNA**



2. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH.

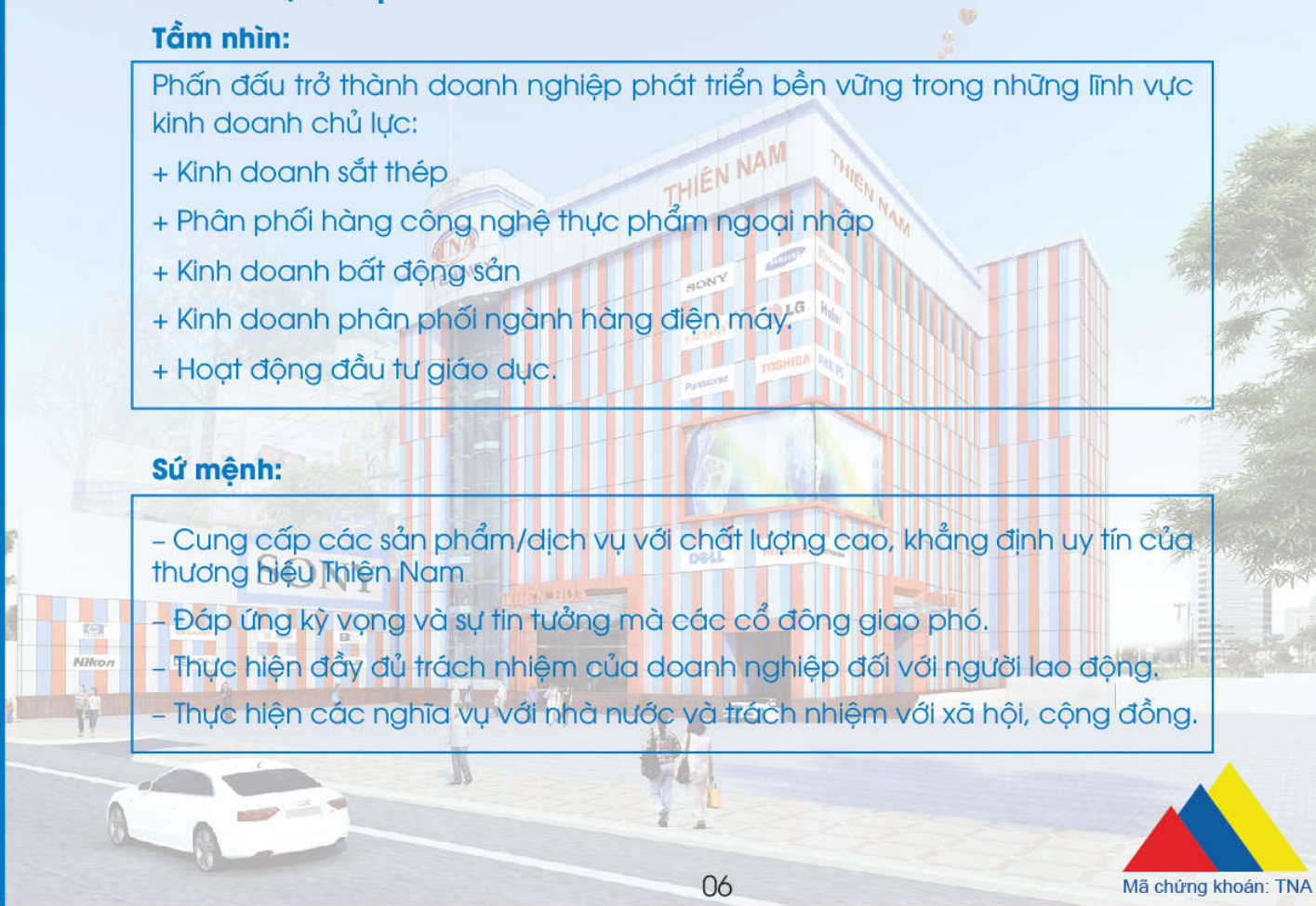
Tầm nhìn:

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững trong những lĩnh vực kinh doanh chủ lực:

- + Kinh doanh sắt thép
- + Phân phối hàng công nghệ thực phẩm ngoại nhập
- + Kinh doanh bất động sản
- + Kinh doanh phân phối ngành hàng điện máy.
- + Hoạt động đầu tư giáo dục.

Sứ mệnh:

- Cung cấp các sản phẩm/dịch vụ với chất lượng cao, khẳng định uy tín của thương hiệu Thiên Nam
- Đáp ứng kỳ vọng và sự tin tưởng mà các cổ đông giao phó.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động.
- Thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước và trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.



3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



TENIMEX

Là giải pháp của bạn



TOP **50** DOANH NGHIỆP
TỐT NHẤT VIỆT NAM



TOP **500** DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT VIỆT NAM



THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM
ĐƯỢC ƯA CHUỘNG NHẤT.

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân là Doanh Nghiệp thương mại dịch vụ cấp quận đầu tiên của Thành phố. Hồ Chí Minh thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc cổ phần hóa Doanh Nghiệp Nhà Nước; Năm 2000, Công ty cổ phần Thương Mại - Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam được thành lập với vốn điều lệ ban đầu 13 tỷ đồng. Năm 2005, Thiên Nam trở thành một trong 30 Doanh Nghiệp tiên phong niêm yết trên sàn HOSE (mã TNA), gia nhập đội ngũ những Doanh Nghiệp được quản trị minh bạch, liên tục đổi mới để hội nhập kinh tế toàn cầu.

5. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



6. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CÔNG TY TRONG NĂM 2017 LÀ 112 LAO ĐỘNG (BAO GỒM CÔNG TY CON):

- Ban lãnh đạo và Cán bộ quản lý: 35 người
- Số lượng Cán bộ nhân viên: 77
- Công ty con, trung tâm kinh doanh sắt thép và các bộ phận chức năng:

- Công ty con :

- + Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam
- + Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168
- + Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo Dục Thiên Nam

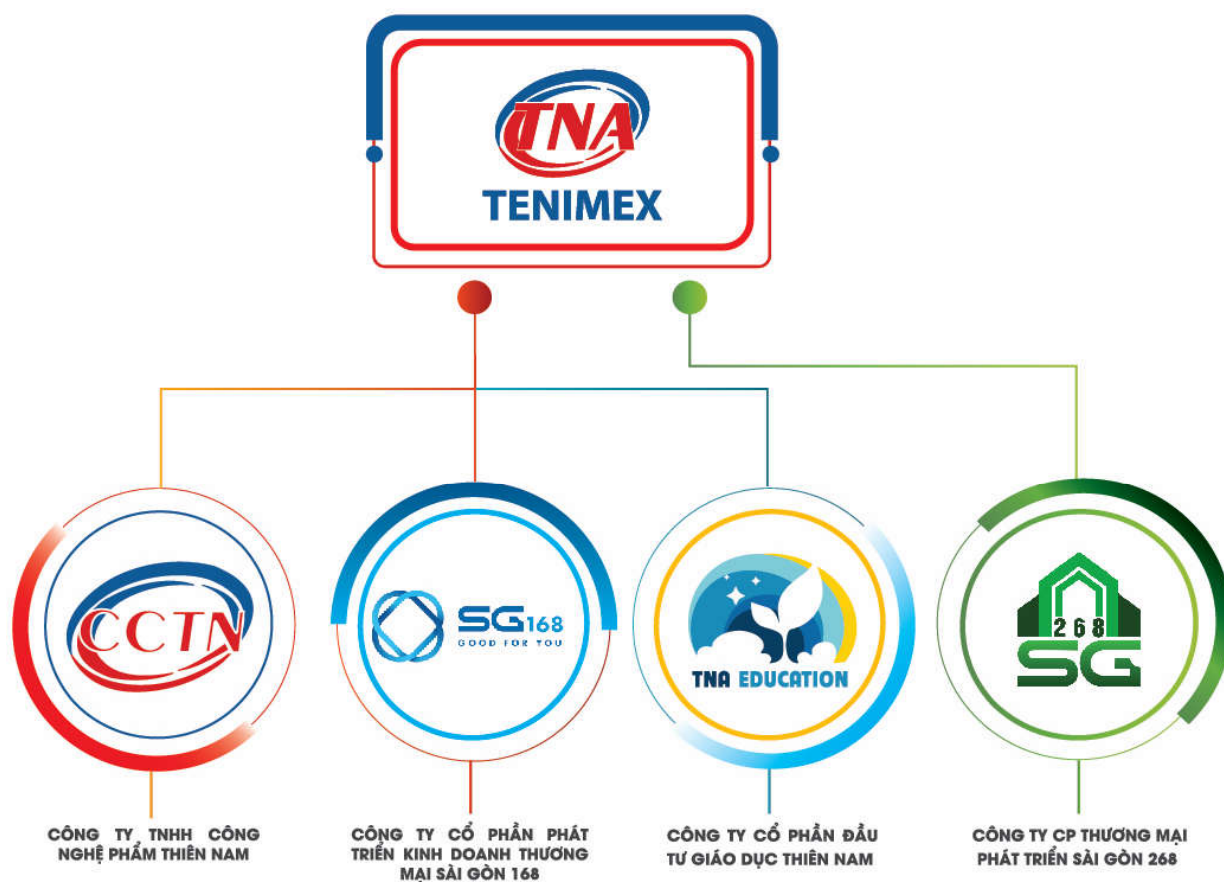
- Trung tâm kinh doanh sắt thép:

- + Chi Nhánh Sài Gòn
- + Chi Nhánh Long An
- + Chi Nhánh Bình Chánh

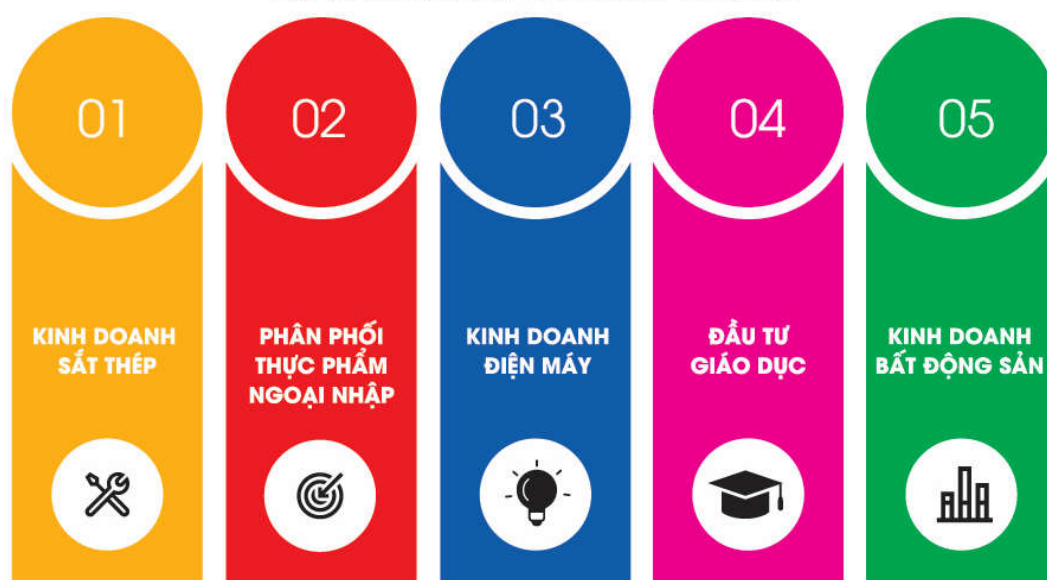
- Các phòng ban chức năng:

- + Phòng Mua hàng và Logistic
- + Phòng KD DVVP Cho thuê
- + Phòng Quản lý Dự án xây dựng
- + Phòng Tài Chính – Đầu tư
- + Phòng Nhân sự - Hành Chính
- + Phòng Marketing và PR

7. CÁC CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT:



VỚI CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



*** CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ PHẨM THIÊN NAM (CÔNG TY CON).**

- Địa chỉ : 451 – 453 Nguyễn Tri Phương, Quận 10.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn, bán lẻ các mặt hàng Công nghệ thực phẩm.
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần TM – XNK Thiên Nam tại Công ty con đến hết quý 1/2019 là 51%

*** CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KINH DOANH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN 168 (CÔNG TY CON).**

- Địa chỉ: 111 – 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Phân phối sỉ ngành hàng điện máy.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần TM – XNK Thiên Nam tại Công ty con là: 75%

*** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC THIÊN NAM (CÔNG TY CON).**

- Địa chỉ: 192 – 198 Ngô Gia Tự, Phường 4, Quận 10.
- Lĩnh vực kinh doanh : hoạt động chuỗi hệ thống trường mầm non quốc tế.
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ đồng).
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần TM – XNK Thiên Nam tại Công ty con là: 68%

*** CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 268 (CÔNG TY LIÊN KẾT)**

- Địa chỉ: Số nhà 56A, đường Huỳnh Ngọc Diệp, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ: 532.000.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi hai tỷ đồng).
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần TM – XNK Thiên Nam vào Công ty liên kết là: 22,5%

8. THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
NGUYỄN QUANG HÒA
Chủ tịch HĐQT



Ông
VƯƠNG QUANG DIỆU
Thành viên HĐQT



Ông
HỒ VĂN TUYỀN
Thành viên HĐQT



Bà
TRẦN DUY KIỀU
Thành viên HĐQT



Bà
TRẦN THỊ MINH TRANG
Thành viên HĐQT



Họ và tên : NGUYỄN QUANG HÒA
Năm sinh : 1968

Nơi sinh : Quảng Nam
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Quảng Nam
Địa chỉ thường trú : số 8 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. HCM.
Trình độ chuyên môn : Đại học thể dục thể thao

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TM - XNK Thiên Nam

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TMDV Thiên Nam Hòa



Họ và tên : VƯƠNG QUANG DIỆU

Năm sinh : 1965

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Hoa

Quê quán : Quảng Đông, Trung Quốc

Địa chỉ thường trú : 40 Dương Bá Trạc, P.1, Q.8, TP.HCM

Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế - kế toán

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần TM - XNK Thiên Nam



Họ và tên : HỒ VĂN TUYÊN

Năm sinh : 1972

Địa chỉ: 217/13/3 Tỉnh Lộ 19 Str., Phường Tân Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học Gloucestershire – United Kingdom

Tiến sĩ Quản trị Kinh Doanh (DBA) trường International American University – United State

Thạc sĩ Tài chính và Giám đốc tài chính – Chương trình min MBA của AAFM

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần TM - XNK Thiên Nam

Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Đầu tư RIM

Cố vấn chiến lược cho các tập đoàn lớn như Nhật Trường Vinh, Viễn Thông A



Họ và tên : TRẦN DUY KIỀU

Năm sinh : 1981

Địa chỉ: 42/68/12 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường PGSM, Pháp

Cử nhân Kế toán kiểm toán tại trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần TM - XNK Thiên Nam

Giám đốc KHDN tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, MARITIME BANK (MSB)



Họ và tên : TRẦN MINH TRANG

Năm Sinh : 1970

Địa chỉ: 27 Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

Tốt nghiệp Đại học San Jose State University, California (Bachelor of Science) chuyên ngành Quản trị kinh doanh- hệ thống thông tin.

Tốt nghiệp trường Mission College Santa Clara, California USA.

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần TM - XNK Thiên Nam

9. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Họ và tên : VƯƠNG QUANG HẢO

Năm sinh : 1975

Nơi sinh : TP. HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Hoa

Quê quán : Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ cư ngụ hiện nay : 12/12 Đào Duy Anh, P.9, Q.Phú Nhuận, HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, XNK.

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Phó Tổng Giám Đốc Cty CP TM-XNK Thiên Nam



Họ và tên : ĐOÀN HẢI NAM

Năm sinh : 1967

Nơi sinh : Hải Dương

Nguyên Quán : Quảng Nam

Dân tộc : Kinh

Tôn giáo : Không

Địa chỉ cư ngụ hiện nay: 76/33 33 Đường số 10, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại ngữ

Trình độ ngoại ngữ: Anh văn

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty CP TMXNK Thiên Nam



Họ và tên : NGUYỄN MINH THƯ

Năm sinh : 1974

Nơi sinh : Bình Định

Nguyên quán : Phú Mỹ- Bình Định

Dân tộc : Kinh

Tôn giáo : không

Địa chỉ cư ngụ hiện nay : 454/10 Phan Xích Long, Phường 02, Q.Phú Nhuận, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Kinh doanh - Marketing

Trình độ ngoại ngữ: Anh văn

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TM - XNK Thiên Nam



Họ và tên : PHẠM VIẾT ĐẠT

Năm sinh : 1974

Nơi sinh : TP. HCM

Nguyên quán : TP. HCM

Dân tộc : Kinh

Tôn Giáo : Không

Địa chỉ thường trú: 123/70 Nghĩa Phát, P.6, Q. Tân Bình, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính doanh nghiệp

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY:

Kế toán trưởng Công ty CP TM - XNK Thiên Nam



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Triển vọng kinh tế của những năm tới, với bối cảnh kinh tế vĩ mô của thế giới và trong nước tiếp tục còn nhiều diễn biến phức tạp. Bên cạnh các dự báo lạc quan như: tăng trưởng kinh tế có xu hướng tăng, tỷ giá ổn định, lãi suất điều chỉnh hợp lý... có tác động tích cực đến tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng và cả nền kinh tế nói chung trong ngắn hạn, tuy nhiên vẫn còn có những yếu tố mang đậm nét phức tạp trong dài hạn về tính bền vững của hệ thống ngân hàng, về bức tranh tổng thể tái cấu trúc hệ thống kinh tế của cả nước còn chưa rõ ràng, do vậy tính bất ổn còn cao.

Trước tình hình trên, để duy trì được nhịp độ ổn định và phát triển cho hoạt động kinh doanh trong những năm sắp tới, Ban lãnh đạo công ty chủ trương thực hiện quan điểm củng cố sức mạnh nội tại, thông qua việc “kết hợp các biện pháp đổi mới mạnh mẽ về tài chính và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh” với mục tiêu kế hoạch, biện pháp chặt chẽ sau:

1. ĐA DẠNG HÓA CƠ CẤU KINH DOANH:

Thực hiện đa dạng hóa trong hoạt động đầu tư trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro và tăng cao hiệu quả bổ sung hoạt động giữa các ngành hàng thông qua chiến lược tạo sự khác biệt trong cạnh tranh và kinh doanh. Trong giai đoạn những năm sắp tới, công ty sẽ thực hiện chiến lược hoàn thiện cơ cấu kinh doanh mới với 5 ngành chủ lực:

- Sắt thép;
- Bất động sản, Đầu tư tài chính;
- Công nghệ phẩm, Điện máy và đồ gia dụng;
- Chuỗi hệ thống trường mầm non quốc tế;
- Các mô hình dịch vụ khác như: bán lẻ, dịch vụ vận tải mới, Motorhome ...

2. GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH:

Nguồn vốn điều lệ hiện nay của công ty (hơn 300 tỷ đồng) là khá thấp so với các công ty đối thủ trên thị trường. Nhằm tiếp tục duy trì lợi thế cạnh tranh, công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng đến cuối năm 2022, nhằm tăng tính thanh khoản theo tiêu chí của thị trường và nâng cao năng lực tài chính của công ty. Qua đó, Công ty sẽ chủ động hơn về nguồn lực trong đầu tư tại các dự án đang nắm giữ; chứng minh năng lực tài chính khi tham gia đầu tư tại các dự án mới và nâng tầm quy mô công ty là một trong những công ty bất động sản hàng đầu trên địa bàn khu vực.

Ngoài ra, thông qua quá trình tăng vốn, công ty sẽ tìm kiếm các đối tác chiến lược có năng lực tài chính và giàu kinh nghiệm quản lý; kết hợp chương trình ESOP nhằm duy trì nguồn nhân lực hiện có gắn bó với công ty đồng thời thu hút thêm người tài về làm việc cho công ty.

Đảm bảo vốn hoạt động của công ty, tương xứng với quy mô đầu tư các dự án bằng các giải pháp:

- Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm để tạo ra sản phẩm, sẵn sàng tung vào thị trường vào thời điểm thích hợp, có lợi.
- Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ. Việc phát hành cổ phiếu theo các phương thức:
 - + Kết chuyển nguồn thặng dư vốn
 - + Trả cổ tức bằng cổ phiếu.
 - + Phát hành cho cổ đông hiện hữu.
 - + Phát hành cho CBNV (ESOP).
 - + Phát hành cho các cổ đông chiến lược.
 - + Phát hành bằng phương thức đấu giá.
 - + Phát hành trái phiếu công trình.
- Hợp tác kinh doanh, liên doanh với các nhà đầu tư và đối tác là tài chính ngân hàng để tài trợ lâu dài cho công ty. Cần mở rộng hợp tác đầu tư với nhiều hình thức từ góp vốn bằng đất của chủ đất, tham gia hợp tác từng hạng mục công trình một phần hoặc toàn bộ dự án, đến việc thành lập công ty liên doanh để huy động vốn. Cần coi đây là giải pháp quan trọng để hạn chế vay ngân hàng, đẩy nhanh dự án, giảm thiểu rủi ro. Công ty cần phải chuẩn bị tốt các dự án và hình thức kêu gọi đầu tư, tổ chức các hội nghị khách hàng.
- Vay ngân hàng : Tiết kiệm chi phí, tăng cường quản trị rủi ro có thể gây ra do nợ xấu, lãi suất ngân hàng, ... Dự phòng nguồn vốn để công ty ổn định hoạt động trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Tính toán hiệu quả của từng công việc, dự án để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh, bảo đảm hiệu quả tốt nhất.
- Quản lý dòng tiền: Lập bảng cân đối, kế hoạch hóa thu – chi cho từng dự án, từng quý, từng năm, bảo đảm chủ động hiệu quả và tránh được những rủi ro bất trắc của biến động thị trường.
- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp theo định hướng Cách mạng công nghiệp 4.0, xác định nội dung tái cơ cấu của công ty bao gồm:
 - + Tái cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ cấu cổ đông, nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành và trình độ chuyên môn của nhân viên.
 - + Tái cơ cấu đầu tư, danh mục các dự án đầu tư, tái cơ cấu về tài chính, xác định khả năng phân tích dự báo thị trường, phân tích tài chính và phương thức sử dụng hiệu quả nguồn lực của công ty, lựa chọn các hình thức huy động vốn và xác định các chi phí bảo đảm hiệu quả. Tính toán hiệu quả của từng dự án để xác định phương thức mức độ đầu tư hoặc thoái vốn. Tính toán các phương thức kinh doanh sản phẩm, thời điểm kinh doanh thích hợp để có lợi nhuận tốt nhất.

3. QUẢN TRỊ RỦI RO:

Mục đích nhằm hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế và thị trường địa ốc đóng băng hiện nay. Các rủi ro từ tính thanh khoản thấp, sản phẩm không bán được hoặc bán lỗ, đầu tư dở dang, dự án kéo dài không tiếp

cận được nguồn vốn để tiếp tục thực hiện, giá trị tài sản hoặc giá trị cổ phiếu xuống thấp hơn giá thị trường. Nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: nâng cao khả năng dự phòng, cẩn trọng trong đầu tư, tiết kiệm trong chi phí ... linh hoạt trong việc huy động vốn kinh doanh.

a. Cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự:

- Xây dựng cơ cấu nhân sự hợp lý có sự tham gia của các cổ đông chiến lược trong quản trị và vận hành bộ máy công ty.
- Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác theo môi trường pháp lý cạnh tranh bình đẳng.
- Xây dựng mô hình quản trị hiệu quả, phân công trách nhiệm rõ ràng, có sự phối hợp đồng bộ của các Phòng, Ban chức năng để nâng cao tính chuyên môn, khả năng phân tích của các chuyên viên để cùng nhau thực hiện chức năng nhiệm vụ cốt lõi của công ty là phát triển dự án hiệu quả, đúng tiến độ.
- Xây dựng hệ thống thang bậc lương, chính sách thưởng và phúc lợi. Hệ thống này là cơ sở đánh giá năng lực vị trí dựa trên nguyên tắc công bằng, công khai và tiến đến hoàn chỉnh các chính sách đãi ngộ phù hợp.
- Tiếp tục làm tốt công tác cơ cấu nguồn lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển tổ chức.
- Xây dựng và phát huy môi trường làm việc thân thiện, bản sắc văn hóa riêng.
- Xây dựng hệ thống công cụ quản trị, mô hình đánh giá hiệu quả công việc từng nhân viên và Phòng ban trên cơ sở lượng hoá được khối lượng công việc được giao, kết quả mang lại nhằm nâng cao hiệu quả làm việc và tiết kiệm chi phí.

b. Giải pháp về quản trị:

- Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị minh bạch, cung cấp những thông tin chính xác và kịp thời theo những thông lệ tốt nhất của công ty niêm yết.
- Hoàn chỉnh, tuân thủ thực hiện tốt các điều lệ, quy chế quản trị của công ty nhằm đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt như đối với công ty niêm yết.
- Hoàn chỉnh các quy trình, quy chế hoạt động, quản lý, kiểm tra và giám sát nội bộ. Thiết lập và ứng dụng hệ thống quản lý công nghệ thông tin (IT) hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý công ty.
- Luôn luôn cập nhật, bổ sung, vận hành, nghiêm túc tuân thủ thực hiện quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn được cập nhật mới nhất.
- Nâng cấp và phát triển website, cổng thông tin nhằm phục vụ cho công tác quảng bá thương hiệu, sản phẩm và công bố thông tin doanh nghiệp đến Quý khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư, cổ đông ...

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



IV. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

1. Chủ Trương Của Hội Đồng Quản Trị:

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018, HĐQT và Ban điều hành đã trình Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua các giải pháp như sau:

- Phát triển sản phẩm kết hợp đa dạng hóa các sản phẩm liên quan trong chuỗi giá trị.
- Tìm kiếm các đối tác có tiềm lực và kinh nghiệm để mở rộng hợp tác và liên doanh.
- Cạnh tranh dựa trên những lợi thế của Công ty.
- Phát triển quy mô Công ty thông qua tăng vốn điều lệ.

2 Thực hiện của Ban điều hành:

Ban điều hành đã bám sát chủ trương nói trên, bước đầu khởi tạo nền móng cho việc thay đổi cơ cấu và phát triển hoạt động của Công ty trong những năm sau thông qua các hoạt động cụ thể:

- Phát triển sản phẩm kết hợp đa dạng hóa các sản phẩm liên quan trong chuỗi giá trị

+ Tích cực chuyển dịch tỷ trọng doanh thu mảng kinh doanh bao tiêu thép sang hoạt động tự doanh theo chủ trương lớn của HĐQT. Trong quý 2/2018 đã thu được tín hiệu tích cực so với quý 1/2018 khi tỷ trọng DT thép tự doanh trong tổng doanh thu ngành thép đã tăng từ 8,1% lên 16,1% và LNTT tăng từ 8,9% lên 21,9%. Mặc dù từ giữa quý 3/2018 trở đi thị trường thép diễn biến không thuận lợi nên kết quả lợi nhuận không đạt kỳ vọng, nhưng tổng kết cả năm 2018 tương quan tỷ lệ doanh thu thép tự doanh - bao tiêu đã thay đổi thành tỷ lệ 25% - 75% so với năm 2017 là 16% - 84%.

+ Mở mới và tái lập lại các trung tâm kinh doanh sắt thép (đã mở 2 trung tâm tại Long An và Bình Chánh) để làm nơi kết nối thường xuyên với các khách hàng là nhà máy và cơ sở sản xuất, gia tăng sự nhận diện thương hiệu của thép Thiên Nam, mở rộng mạng lưới phân phối thép dây, thép tấm và thép cuộn cán

nóng là những mặt hàng Thiên Nam đã kinh doanh nhiều năm. Đồng thời thông qua các địa điểm kinh doanh này, Thiên Nam phân phối thêm các mặt hàng mới như thép dự ứng lực, thép dây đặc chủng, thành phẩm thép ống, thép hình...tạo cơ sở cho việc tiêu thụ sản phẩm của hoạt động hợp tác gia công, thúc đẩy tăng trưởng doanh số và lợi nhuận trong các năm về sau.

- Tìm kiếm các đối tác có tiềm lực và kinh nghiệm để hợp tác và liên doanh:

+ Trong năm 2018, Công ty đã bước đầu thực hiện việc hợp tác với một đơn vị sản xuất que hàn để gia công thành phẩm xuất khẩu, trong thời gian tới dự kiến đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực này. Các thị trường đã ký kết hợp đồng xuất khẩu trong cuối năm 2018 là Bangladesh, Ai Cập, Thái Lan, Myanmar, Nam Phi. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục xuất khẩu thêm sang các thị trường như Pháp, Ba Lan, Ý, Nga, Mexico, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia...

+ Công ty SG 168 đã ký kết hợp tác với nhà sản xuất tại Mỹ để bắt đầu độc quyền phân phối sản phẩm dược - mỹ phẩm Bio Skin Solution (thương hiệu Mỹ, sản xuất tại Malaysia) từ năm 2019. Đây là lĩnh vực kinh doanh được đánh giá rất tiềm năng, kỳ vọng mang lại tỷ suất lợi nhuận tốt cho Công ty trong các năm tới.

- Cạnh tranh dựa trên những lợi thế của Công ty:

+ Hoạt động kinh doanh thép duy trì được sự hợp tác ổn định và bền vững với các đối tác truyền thống nhờ vào uy tín và chủ trương hợp tác đôi bên cùng có lợi xuyên suốt thời gian qua. Đồng thời Công ty cũng thiết lập được thêm mối quan hệ hợp tác với nhiều đối tác mới.

+ Hoạt động dịch vụ quản lý và cho thuê văn phòng phát huy sức mạnh cạnh tranh tốt về giá cả và dịch vụ, đã từng bước mở rộng thêm các mặt bằng mới bên cạnh việc duy trì tỷ lệ lấp đầy 100% của các mặt bằng hiện hữu.

+ Hoạt động nghiệp vụ mua hàng và xuất nhập khẩu được đổi mới và triển khai tích cực để chủ động tìm kiếm và cung cấp nguồn hàng giá cả cạnh tranh phục vụ khách hàng.

- Phát triển quy mô thông qua tăng vốn điều lệ: Trong năm 2018, Công ty đã nâng vốn điều lệ lên 301 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng và ESOP. Tuy nhiên, kế hoạch phát hành cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược ngoài công ty thì chưa thực hiện được do chưa lựa chọn được đối tác phù hợp.

3. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Năm 2018		Tỷ lệ TH 2018 với	
		Kế hoạch	Thực hiện	KH 2018	TH 2017
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	4.181,9	4.560	4.053	89%	97%
2. Lợi nhuận trước thuế	127,8	126(*)	79,2	63%	62%
3. Lợi nhuận sau thuế	101,9		63,5		
Tỷ lệ LN trước thuế/DTT(%)	3,06		1,95		
Tỷ lệ LN sau thuế/DTT(%)	2,43		1,57		

(*) Kế hoạch LNTT năm 2018 theo Báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2017 là 181 tỷ đồng, bao gồm 55 tỷ đồng khoản dự kiến thu về từ công ty liên kết (Công ty SG 268-Cà Mau)

a. Doanh thu và thu nhập khác theo lĩnh vực kinh doanh:

DVT: tỷ đồng

STT	Lĩnh vực kinh doanh	Thực hiện 2017	Năm 2018		Tỷ lệ TH 2018 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2018	TH 2017
A	Công ty mẹ					
1	Kinh doanh sắt thép	3.971,5	4.200	3.882,5	92%	98%
2	Cho thuê BĐS	41,1	42	40,4	96%	98%
3	Đầu tư tài chính	79,6	28	20,9	75%	26%
B	Công ty con					
1	Công nghệ phẩm (Công ty CCTN)	89,7	90	105,7	118%	119%
2	Điện máy (Công ty SG 168)	-	200	3,4	2%	-
C	Hợp nhất	4.181,9	4.560	4.052,9	89%	97%

b. Lợi nhuận theo lĩnh vực kinh doanh:*ĐVT: tỷ đồng*

STT	Lĩnh vực kinh doanh	Thực hiện 2017	Năm 2018		Tỷ lệ TH 2018 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2018	TH 2017
A	Công ty mẹ					
1	Kinh doanh sắt thép	67,9	66,0	32,7	49%	48%
2	Cho thuê BĐS	18,5	23,1	23,3	101%	126%
3	Đầu tư tài chính	29,9	15,2	13,8	91%	46%
B	Công ty con					
1	Công nghệ phẩm (Công ty CCTN)	11,5	10,0	13,3	133%	116%
2	Điện máy (Công ty SG 168)		11,7	(3,9)	-	-
C	Hợp nhất	127,8	126	79,2	63%	62%

c. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018:**Nguyên nhân không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty mẹ:**





+ Diễn biến tỷ giá: trong năm 2018, tỷ giá biến động mạnh ảnh hưởng không nhỏ đến giá vốn hàng nhập khẩu của Công ty.

+ Diễn biến thị trường thép: Như đã trình bày tại mục I, trong 2 tháng cuối năm, giá thép giảm nhanh và giảm sâu trong thời gian ngắn, tổng mức sụt giảm vào khoảng 25%, cùng với ảnh hưởng từ việc thắt chặt giải ngân từ phía các Ngân hàng trong quý 4/2018 khiến cho các đối tác ngành thép khó tiếp cận nguồn vốn, sức mua trên thị trường chậm lại khiến hàng hóa khó tiêu thụ, hoạt động tự doanh thép của Công ty bị thiệt hại nặng nề. Đây là nguyên nhân chính khiến cho kết quả kinh doanh trong năm không được như kỳ vọng.

+ Việc thay đổi HĐQT, Ban điều hành và chiến lược phát triển mới: trong thời gian đầu có một số ngân hàng rút hạn mức tài trợ do định hướng kinh doanh mới của Công ty không nằm trong danh mục ưu tiên của các ngân hàng này, ảnh hưởng đến nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh (thiếu hụt gần 400 tỷ đồng) từ quý 2/2018. Bên cạnh đó kế hoạch huy động thêm 300 tỷ vốn cổ phần từ cổ đông chiến lược chưa thực hiện được và dòng tiền từ dự án Cà Mau về chậm hơn dự kiến đã phá vỡ kế hoạch dòng tiền khiến cho Ban điều hành có những thời điểm buộc phải lựa chọn ưu tiên đảm bảo thanh khoản và uy tín tín dụng của Công ty hơn là mục tiêu lợi nhuận.

- **Nhân sự:** trong năm Công ty có sự biến động về nhân sự chủ chốt ở hầu hết các phòng ban, đó là thực trạng chung khi Công ty có sự thay đổi lớn về ban điều hành. Hầu hết các nhân sự quản lý chủ chốt mới gia nhập Công ty vào giữa và cuối năm, cần thêm thời gian để tạo ra các đột phá rõ rệt trong công việc.

Trình độ nguồn nhân lực Thiên Nam

	4% Trên đại học
	62% Đại học, cao đẳng
	16% Trung cấp, sơ cấp nghề
	18% Lao động phổ thông



- Tình hình thực hiện kế hoạch của các công ty con và liên kết:

+ **Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam:**

- Duy trì được sự tăng trưởng ổn định trong 10 năm qua, giữ vững thị phần và mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác truyền thống trong và ngoài nước.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 với doanh thu và các khoản thu nhập khác vượt 18% và lợi nhuận trước thuế vượt 33% so với kế hoạch đề ra. thị phần và mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác truyền thống trong và ngoài nước.



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA CÔNG NGHỆ PHẨM PHỦ RỘNG TRÊN TOÀN QUỐC.



+ Công ty CP PT KD TM Sài Gòn 168:

- Tập trung phát triển ngành hàng điện máy với các thương hiệu VGO, VEGO, MABE... hoàn toàn mới chưa có sự nhận biết với người dùng tại thị trường Việt Nam. Trong năm 2018 Công ty chủ yếu tập trung cho hoạt động thiết kế sản phẩm, marketing và xây dựng kênh phân phối, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự quản lý và bán hàng.
- Doanh thu thực hiện cả năm chỉ đạt 3,4 tỷ đồng tương ứng 2% kế hoạch đề ra, chưa có lợi nhuận.



+ Công ty CP đầu tư giáo dục Thiên Nam:

- Trong năm 2018 chủ yếu triển khai công việc tìm kiếm mặt bằng, sửa chữa và hoàn thiện cơ sở vật chất, tuyển dụng và đào tạo nhân sự... chưa có doanh thu và lợi nhuận.



+ Công ty CP TM PT Sài Gòn 268 (công ty liên kết)

- Tiến độ hoàn thiện thủ tục pháp lý để đủ điều kiện bán hàng và hạch toán doanh thu của dự án Happy Home - Cà Mau chậm hơn so với dự kiến do đó năm 2018 chưa có lợi nhuận được chia về Công ty mẹ Thiên Nam.



4. Một số chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Đơn vị	31/12/2018	31/12/2017 ^(*)
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	1,34
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,44	0,49
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,01	0,02
Vốn luân chuyển	Trđ	246.473	298.560
Nhóm cơ cấu vốn và đòn bẩy tài chính	Đơn vị	31/12/2018	31/12/2017
Hệ số nợ	Lần	0,76	0,70
Hệ số đòn bẩy tài chính	Lần	4,14	3,31
Nợ dài hạn/VCSH	Lần	0,13	0,15
Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2017
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,95	3,64
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,58	4,93
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	8,22	12,80
Chỉ tiêu khả năng sinh lời		Năm 2018	Năm 2017
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	4,03	7,47
Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE)	%	15,05	25,99
Biên lợi nhuận ròng (ROS)	%	1,6	2,4
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	1.673	2.700

5. Cơ cấu cổ đông:

+ Thông tin chi tiết về cổ phiếu theo danh sách chốt ngày 6/3/2019

Nội dung	
* Tổng số cổ phiếu	30.127.045
Trong đó: - Cổ phiếu phổ thông:	30.127.045
- Cổ phiếu ưu đãi:	0
* Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	1.000.000
* Cổ phiếu quỹ	344.954
* Cổ tức năm 2018 : 15% bằng cổ phiếu	15%/CP

+ Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại : 344.954 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm : Không

6. Liên quan đến người lao động:

- Công ty luôn thực hiện đúng các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo qui định hiện hành.
- Công ty luôn thực hiện các chế độ phúc lợi như: tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước, tổ chức sinh hoạt tập thể Công ty, trợ cấp ốm đau, khó khăn, phúng viếng tứ thân phụ mẫu của người lao động qua đời, quà sinh nhật cho CBNV, tặng quà nhân các ngày lễ lớn, chính sách đãi ngộ khen thưởng kịp thời cho người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao...đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; tạo sự gắn bó, tận tụy của người lao động với Công ty.
- Công ty luôn chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự, cán bộ quản lý, kế thừa, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp tập huấn, nâng cao nghiệp vụ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

7. Trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội:

Ngoài việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, Thiên Nam cũng luôn quan tâm đến các hoạt động chăm lo chia sẻ những khó khăn của cộng đồng trong năm 2018. Với sự hỗ trợ từ cổ đông, HĐQT, Ban Điều hành và CBVN Công ty có điều kiện sẻ chia với cộng đồng xã hội và chăm lo cho người lao động nghèo của Công ty ngày càng tốt hơn với tổng số tiền đóng góp gần 700 triệu đồng : Đóng góp hộ xây 1 căn nhà tình thương ở Quãng Nam, hành trình ủng hộ xây 2 cây cầu mới ở vùng sông nước Cà Mau với mong muốn giúp đỡ cho việc đi lại giao thông của người dân và các em học sinh đến trường trở nên dễ dàng, thuận tiện và an toàn hơn với số tiền 230 triệu đồng; Chăm lo trẻ em tỉnh Hà Giang bị bão lũ, trao tặng các suất học phí cho các em bị bệnh lý đặc biệt tại trường Đại học sư phạm thành phố, tài trợ 40.000 quyển tập cho cho 20 trường tiểu học ở quận 10 : gần 270 triệu đồng; Chăm lo Tết Kỷ Hợi cho người nghèo tại địa phương Quận 10, Liên đoàn lao động Quận 10, cựu tù binh thành phố HCM: 200 triệu đồng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc nhân đối nhân, chấp hành nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chính sách pháp luật của nhà nước. Kết quả của quá trình hoạt động trên đã được thể hiện rõ qua các kết quả kiểm toán tài chính công ty và được đánh giá tốt, không có một sai sót trọng yếu nào xảy ra.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của công ty trong năm, đề ra các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn sát đúng; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc giải quyết các công việc cấp bách, giúp cho hoạt động điều hành đạt được hiệu quả cao.

- Thành viên Hội đồng quản trị là những người có tinh thần trách nhiệm, có kinh nghiệm, am hiểu về ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty, luôn có ý thức trách nhiệm thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ theo Điều lệ công ty, góp phần làm cho hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng tăng. Trong đó, Chủ tịch HĐQT thường xuyên dự các cuộc họp sơ kết hàng tháng, quý với Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBNV, tổ chức các buổi họp giao ban hàng tuần với Ban Tổng giám đốc; và tham dự các buổi họp giao ban kinh doanh với các Giám đốc, Phó Giám đốc các khu vực và trưởng phó các phòng ban trong đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động của Công ty, đồng thời có những chỉ đạo, quyết định kịp thời liên quan đến việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

2. Trong năm 2018, HĐQT đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty trong các công tác sau:

- Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018 và nội dung các tờ trình để trình Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng quy trình và tiến độ đề ra. Thường xuyên tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- Quyết định về kế hoạch tiền lương năm 2018 của Công ty; thù lao HĐQT và Ban KSNB Công ty năm 2018.
- Quyết định chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2018 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Thực hiện báo cáo thường niên và báo cáo quản trị Công ty năm 2017 và báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2018 theo đúng quy định.
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và người lao động (ESOP) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tăng vốn điều lệ Công ty lên 301.270.450 đồng.
- Giám sát thực hiện việc lập Báo cáo tài chính các quý, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 và kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2018.
- Giám sát quy trình thực hiện công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán HCM.
- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2019

a. Những thách thức từ thị trường năm 2019

- Kinh tế thế giới năm 2019 được dự báo vẫn duy trì đà tăng trưởng nhưng ở mức thấp hơn (khoảng 3,1% theo Citi Research) so với năm 2017 và 2018 (3,3%), lạm phát CPI thấp hơn (khoảng 2,6%) so với năm 2018 (2,8%) và rủi ro, bất định nhiều hơn.

- Với Việt Nam, kinh tế năm 2019 có nhiều thuận lợi đan xen rủi ro, thách thức. Mặc dù chịu tác động không nhỏ từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2019 được dự báo khả quan theo đà tăng trưởng tích cực của năm 2018 với tốc độ tăng trưởng kinh tế ước vào khoảng 6,8%, chênh lệch không nhiều so với tốc độ tăng 7,08% của năm 2018. Về khó khăn, rủi ro, ngoài những tác động từ bên ngoài nêu trên, nội tại nền kinh tế Việt Nam còn nhiều thách thức như: (i) áp lực lạm phát, tỷ giá khá lớn trong bối cảnh giá dầu diễn biến khó lường, thuế và giá các dịch vụ công do Nhà nước quản lý tăng (như lương cơ bản, điện, thuế môi trường đối với xăng dầu...); (ii) tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế, nhất là tái cơ cấu DNNN và ngân sách còn chậm, trong khi thâm hụt ngân sách (tính cả trả nợ gốc) còn cao (gần 5% GDP theo Citi Research), nợ công, nợ nước ngoài còn ở mức cao; (iii) cải thiện môi trường kinh doanh còn chậm, chưa thực chất (tỷ lệ giảm điều kiện kinh doanh thực chất chỉ khoảng 30%, theo khảo sát của CIEM), chủ yếu do khâu thực thi ở các cấp còn yếu và (iv) năng suất lao động có cải thiện nhưng còn thấp.

- Theo Hiệp hội thép Việt Nam, năm 2019 được các chuyên gia ngành thép đánh giá là một năm thách thức cho ngành thép toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Thị trường thép toàn cầu hai tháng đầu năm 2019 khá ảm đạm với nhu cầu sử dụng thép của một số ngành suy yếu. Thị trường trong nước năm 2019 với việc duy trì thuế tự vệ và gia tăng sản lượng cung ứng thép dây, thép cuộn cán nóng sản xuất trong nước từ các nhà máy ở Hà Tĩnh, Dung Quất...việc nhập khẩu và kinh doanh thương mại thép được dự đoán là khó khăn hơn, diễn biến giá cả và sức tiêu thụ trên thị trường thép trở nên khó lường hơn.

- Tỷ giá 2019 được dự báo biến động không quá 3%. Với nguồn cung ngoại tệ từ các thương vụ bán vốn cho nước ngoài, Nhà nước vẫn đủ khả năng kiểm soát tốt. Tuy nhiên, 2 rủi ro lớn nhất là: (i) Chiến tranh thương mại tiếp tục leo thang và tác động trực tiếp đến Việt Nam; (ii) Trung Quốc rơi vào khủng hoảng dẫn đến thắt chặt tiền tệ. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ khiến các dự báo trở nên không còn ý nghĩa.

- Tăng trưởng tín dụng dự báo tiếp tục duy trì khoảng 14%. Nhà nước vừa có chủ trương ưu đãi lãi suất với 7 hoạt động kinh tế: (1) phát triển nông nghiệp nông thôn, (2) kinh doanh hàng xuất khẩu, (3) DN nhỏ và vừa, (4) các ngành công nghiệp hỗ trợ, (5) DN ứng dụng công nghệ cao, (6) nông nghiệp công nghệ cao, (7) DN khởi nghiệp. Tuy nhiên, với trần tăng trưởng tín dụng tương đương năm trước, áp lực đảm bảo tiêu chuẩn Basel II và duy trì hiệu quả kinh doanh sẽ buộc các ngân hàng cân đối lại chính sách lãi suất áp dụng cho từng nhóm ngành. Với diễn biến của thị trường và tình hình các doanh nghiệp thép trong thời gian qua, các Ngân hàng có thể có cái nhìn thận trọng hơn đối với ngành thép trong việc cấp tín dụng. Đây sẽ là một rủi ro rất lớn đối với các doanh nghiệp kinh doanh thép có tỷ trọng nợ vay lớn.

- Trải qua một năm đầy biến động mạnh nhưng thị trường bất động sản đã vượt qua được dự báo về một kịch bản vỡ bong bóng bất động sản vào cuối năm 2018. Tuy nhiên các chính sách liên quan tín dụng, đầu tư, tiền tệ hiện tại vẫn còn thắt chặt như là một biện pháp phòng vệ (Theo thông tư 19/2017/TT-NHNN từ năm 2019 các ngân hàng phải giảm tỷ lệ sử dụng vốn huy động ngắn hạn cho vay trung, dài hạn từ 45% xuống còn 40%, trước đó là chỉ thị 04 của Ngân hàng Nhà nước khẳng định chủ trương không xem xét, điều chỉnh tăng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng (trừ trường hợp đặc biệt); kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông; kiểm soát chặt chẽ tín dụng tiêu dùng, nhất là tín dụng tiêu dùng liên quan đến bất động sản...). Cùng với đó, Nhà nước tiếp tục thắt chặt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, rà soát các dự án đầu tư công... sẽ làm cho thị trường bất động sản năm 2019 hạ nhiệt chờ cơ hội mới. Nguồn cung bất động sản từ năm 2019 trở đi được dự báo sẽ giảm dần, đồng thời dòng tín dụng vào thị trường bất động sản tiếp tục bị thắt chặt trong năm 2019 thì các nhà đầu tư phải

tái cơ cấu nguồn cung vào các phân khúc có tính thanh khoản cao. Do đó dự báo các phân khúc nhà ở bình dân, nhà ở trung cấp vẫn sẽ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, phát triển bền vững của thị trường trong các năm tới.

b. Những tín hiệu tích cực cho kế hoạch kinh doanh năm 2019

- Cơ cấu tổ chức của Công ty đã dần được ổn định về bộ máy lãnh đạo, nhân sự chủ chốt.
- Công ty mẹ đã ổn định được nguồn tài trợ tín dụng từ các Ngân hàng với việc cam kết đồng hành và gia tăng hạn mức tại các ngân hàng lớn từ đầu năm 2019.
- Giá sắt thép trên thị trường đã qua giai đoạn biến động mạnh, thuận lợi cho công tác bán hàng.
- Các hoạt động kinh doanh mới như hợp tác xuất khẩu que hàn và phân phối độc quyền dược – mỹ phẩm Bio Skin Solution được triển khai mang lại tín hiệu tốt.
- Công ty CP TM PT Sài Gòn 268 (Công ty liên kết) đã được Bộ Xây dựng xác nhận đủ điều kiện pháp lý và tỉnh Cà Mau tiến hành cấp sổ đỏ từng nền theo tiến độ hạ tầng dự án. Một số ngân hàng trên địa bàn đã cam kết tài trợ khách hàng mua nền Dự án với mức cho vay lên đến 80% giá trị bất động sản. Điều này giúp cho công tác bán hàng được thuận lợi hơn tiến tới ghi nhận doanh thu và lợi nhuận của Dự Án trong năm 2019.
- Thị trường bất động sản có tín hiệu tích cực ở một số khu vực thông qua các chính sách thu hút đầu tư của địa phương và chính sách cải thiện cơ sở hạ tầng hướng đến phát triển bền vững từ chính phủ. Đồng thời thông qua việc tham gia đầu tư và quản lý trực tiếp dự án bất động sản tại Cà Mau trong năm 2018 đã giúp Thiên Nam được chào mời và tiếp cận với nhiều cơ hội mới ở các khu vực có

tiềm năng đang được đầu tư hạ tầng giao thông như Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Ninh... Với việc hoàn thành hạ tầng dự án Cà Mau và thu hồi dòng tiền trong năm 2019, cùng với kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, Công ty Thiên Nam sẽ cơ cấu lại nguồn vốn và lựa chọn tham gia các dự án có tính thanh khoản và hiệu quả tốt nhất trong giai đoạn này.

c. Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Mặc dù tình hình ngành thép dự kiến còn nhiều khó khăn, tuy nhiên, với những tín hiệu tích cực như đã trình bày ở trên cộng với sự quyết tâm của Ban điều hành bám sát chủ trương HĐQT đề ra, toàn Công ty đặt ra các mục tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

1. Công ty mẹ :

- Doanh thu : **4.620 tỷ đồng**

- Lợi nhuận trước thuế : **85,5 tỷ đồng**

2. Các công ty con:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	CCTN	SG 168	GIÁO DỤC THIÊN NAM
Doanh thu	105	75	Bắt đầu hoạt động từ cuối 2019, chưa đăng ký kế hoạch
LNTT	11,5	3	

3. Các chỉ tiêu hợp nhất:

-Doanh thu: **4.800 tỷ đồng**

- Lợi nhuận trước thuế: **100 tỷ đồng**

- Cổ tức: **20% bằng cổ phiếu**

*** Các chỉ tiêu kế hoạch chưa bao gồm lợi nhuận dự kiến hạch toán được từ Công ty liên kết SG268: từ 110 đến 120 tỷ đồng trong năm 2019.

d. Biện pháp thực hiện

- **Hoạt động kinh doanh thép tập trung phát triển kinh doanh các mặt hàng có biên lợi nhuận cao, mở thêm trung tâm kinh doanh và tiếp cận các kênh khách hàng mới:** bên cạnh việc duy trì các mặt hàng hiện hữu, đội ngũ kinh doanh tích cực phát triển thêm các sản phẩm mới như thép dây dự ứng lực, thép dây đặc chủng... có biên lợi nhuận cao góp phần gia tăng hiệu quả lợi nhuận Công ty, đồng thời tìm kiếm cơ hội tham gia hợp tác với các doanh nghiệp bất động sản nhằm cung ứng sắt thép phục vụ các công trình xây dựng, hợp tác gia công xuất khẩu thành phẩm thép.
- **Hoạt động quản lý và cho thuê bất động sản:** thuê lại hoặc hợp tác đầu tư thêm tối thiểu 2 mặt bằng để đưa vào khai thác trong năm 2019, mục tiêu nâng tổng số diện tích sàn văn phòng cho thuê của toàn Công ty lên 20.000 m² (hiện tại 16.000 m²). Đồng thời chỉnh trang lại một số mặt bằng hiện hữu để gia tăng giá trị khai thác như mặt bằng 451 Nguyễn Tri Phương, mặt bằng 1 - 3 Ngô Gia Tự và 7 - 9 Lý Thái Tổ, Quận 10, TP.HCM.
- Công ty công nghệ phẩm tập trung phát triển thêm các mặt hàng mới, vận dụng ưu thế về mạng lưới kênh phân phối để khắc phục tính thời vụ trong hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường đầu tư có chiều sâu vào công tác marketing và truyền thông để tăng độ nhận diện thương hiệu, hỗ trợ các sản phẩm mới và hoạt động mới của toàn Công ty tiếp cận khách hàng và gia tăng doanh số.
- **Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản:** cơ cấu lại nguồn vốn và tìm thêm nguồn tài trợ, tăng cường tuyển dụng để kiện toàn bộ máy nhân sự chuyên nghiệp về kinh doanh bất động sản phục vụ cho việc phát triển có chiều sâu trong năm 2019 và các năm về sau.

5. Quản trị Công ty:

* Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà NGUYỄN THỊ HIỆP	Chủ tịch HĐQT	05/11	45,5%	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018
2	Ông NGUYỄN QUANG HÒA	Phó CT HĐQT Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	– Phó Chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2013-2017). – Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018, được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/03/2018.
3	Ông NGÔ HỮU HOÀN	TV HĐQT – Tổng giám đốc	05/11	45,5%	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018
4	Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG	TV HĐQT	05/11	45,5%	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018
5	Ông HỒ THÁI HÀ	TV HĐQT	0/11	0%	Lý do về sức khỏe (đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Quang Hòa), và mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018
6	Ông VƯƠNG QUANG DIỆU	TV HĐQT – Tổng giám đốc	11/11	100%	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018, được HĐQT bổ nhiệm là TGĐ Công ty từ ngày 02/04/2018.
7	Ông HỒ VĂN TUYẾN	TV HĐQT	06/11	54,5%	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018.
8	Bà TRẦN THỊ MINH TRANG	TV HĐQT	06/11	54,5%	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018.
9	Bà TRẦN DUY KIỀU	TV HĐQT	06/11	54,5%	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2022 từ ngày 24/03/2018.

- Công tác tổ chức họp báo cáo tổng kết trước Đại hội cổ đông hàng năm của Hội đồng quản trị đảm bảo đúng Điều lệ Công ty quy định.
- Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định về nội dung.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị (theo danh sách chốt ngày 06/03/2019):

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu & Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	* Sở hữu 3.791.012CP * Tỷ lệ 12,6%/VĐL
2	Vương Quang Diệu	Thành viên HĐQT, TGD	* Sở hữu 871.782 CP * Tỷ lệ 2,89%/VĐL
3	Hồ Văn Tuyên	Thành viên HĐQT	* Sở hữu 0 CP
4	Trần Thị Minh Trang	Thành viên HĐQT	* Sở hữu 0 CP
5	Trần Duy Kiều	Thành viên HĐQT	* Sở hữu CP

*** Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

• **Tiểu ban Tài chính:** Thực hiện đầy đủ công tác giám sát tài chính Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo yêu cầu của HĐQT trong năm 2018 của Công ty.

• **Tiểu ban Dự án:**

- Giám sát hoạt động dự án Công ty đang đầu tư (dự án Happy Home tại Cà Mau) đang thực hiện theo đúng tiến độ.

- Phối hợp với Ban điều hành Công ty thẩm định hiệu quả các dự án mới để tham mưu cho HĐQT trước khi quyết định đầu tư.

*** Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT (Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/03/2018) :**

- Thông tin về thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông HỒ VĂN TUYÊN	Trưởng ban
2	Ông TRẦN THÀNH VINH	Thành viên

- Hoạt động giám sát của ban kiểm toán nội bộ đối với Ban Tổng Giám đốc:

+ Rà soát Điều lệ, Quy chế quản trị, quy chế người đại diện vốn và quy chế tài chính, báo cáo HĐQT các nội dung bổ sung, chỉnh sửa phù hợp và đúng theo quy định về các Luật của Nhà nước.

+ Kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty để báo cáo và đề xuất ý kiến với HĐQT, việc kiểm soát được thực hiện theo từng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất khi có yêu cầu của HĐQT Công ty.

*** Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:**

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT	18/01/2018	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
2	Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT	26/01/2018	Tạm ứng cổ tức đợt 2/2017
3	Quyết định số 09/2018/QĐ-HĐQT	28/02/2018	Thành lập Chi nhánh TTST Thiên Nam – Long An
4	Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐQT	12/03/2018	Nghị quyết tăng vốn điều lệ Công ty TNHH CNP Thiên Nam
5	Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐQT	24/03/2018	Phân công nhiệm vụ các thành viên trong HĐQT
6	Quyết định số 13/2018/QĐ-HĐQT	26/03/2018	Thay đổi người đại diện pháp luật Công ty
7	Quyết định số 15/2018/QĐ-HĐQT	02/04/2018	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
8	Quyết định số 16/2018/QĐ-HĐQT	02/04/2018	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
9	Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Nghị quyết về kế hoạch tiền lương năm 2018 của Công ty.
10	Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Nghị quyết chọn đơn vị kiểm toán Công ty năm 2018
11	Quyết định số 20/2018/QĐ-HĐQT	16/04/2018	Bổ nhiệm Phó TGĐ Công ty
12	Quyết định số 21/2018/QĐ-HĐQT	16/04/2018	Bổ nhiệm Phó TGĐ kinh doanh Công ty
13	Quyết định số 22/2018/QĐ-HĐQT	16/04/2018	Miễn nhiệm kế toán trưởng Công ty

14	Quyết định số 23/2018/QĐ-HĐQT	16/04/2018	Bổ nhiệm kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty
15	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐQT	15/05/2018	Quyết định mức thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2018.
16	Quyết định số 25/2018/QĐ-HĐQT	04/06/2018	Thành lập Chi nhánh TTST Thiên Nam – Bình Chánh
17	Quyết định số 27/2018/QĐ-HĐQT	18/06/2018	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động bộ máy điều hành Công ty.
18	Quyết định số 29/2018/QĐ-HĐQT	02/07/2018	Bổ nhiệm Phó TGĐ dự án và marketing Công ty
19	Quyết định số 33/2018/QĐ-HĐQT	05/07/2018	Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam
20	Quyết định số 37/2018/QĐ-HĐQT	27/08/2018	Miễn nhiệm Phó TGĐ Công ty
21	Nghị quyết số 30/2018/NQ-HĐQT	02/07/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông Công ty Cổ phần TM – XNK Thiên Nam thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
22	Nghị quyết số 38/2018/NQ-HĐQT	06/09/2018	Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

*** Thù lao thành viên HĐQT Công ty :**

- Tổng thù lao công vụ chi trong năm 2018 các thành viên HĐQT; 01 thành viên BKTNB: 1.908.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Đvt: đồng

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Lý do không tham dự	Số tiền
1	Bà NGUYỄN THỊ HIỆP	Chủ tịch HĐQT	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018	60.000.000
2	Ông NGUYỄN QUANG HÒA	Phó CT HĐQT Chủ tịch HĐQT	- Phó Chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2013-2017). - Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018, được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/03/2018.	465.000.000
3	Ông NGÔ HỮU HOÀN	TV HĐQT – Tổng giám đốc	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018	45.000.000

4	Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG	TV HĐQT	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018	45.000.000
5	Ông HỒ THÁI HÀ	TV HĐQT	Lý do về sức khỏe (đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Quang Hòa), và mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018	0
6	Ông VƯƠNG QUANG DIỆU	TV HĐQT – Tổng giám đốc	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018, được HĐQT bổ nhiệm là TGĐ Công ty từ ngày 02/04/2018.	315.000.000
7	Ông HỒ VĂN TUYÊN	TV HĐQT	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018.	270.000.000
8	Bà TRẦN THỊ MINH TRANG	TV HĐQT	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018.	270.000.000
9	Bà TRẦN DUY KIỀU	TV HĐQT	Đắc cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 24/03/2018.	270.000.000
10	Ông NGUYỄN TRẦN VINH	TV Ban KTNB		120.000.000
11	Ông NGUYỄN NGỌC TUẤN	TV Ban KS	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018	24.000.000
12	Bà PHAM T. ĐĂNG THƠ	TV Ban KS	Mãn nhiệm kỳ từ ngày 24/03/2018	24.000.000

- Ngoài ra, trong năm đã chi cho hoạt động của tập thể HĐQT, Ban KTNB và thư ký HĐQT các khoản bồi dưỡng trong năm là: 2 tỷ đồng

- Chi phí 1 tỷ đồng (phí đi công tác để tìm hiểu thị trường và làm việc với đối tác ở nước ngoài, phí giao tiếp đối tác, khách hàng của HĐQT và BKS...).

***. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2018:**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do giảm	Lý do tăng
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL		
01	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	không	3.132.296	24,87%	2.088.206	16,58%	Nhu cầu tài chính	
02	Nguyễn Trần Thảo Hương	không	0	0%	1.044.090	8,29%		Đầu tư cá nhân

*** Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn sở hữu >5% vốn điều lệ công ty:** Không

*** Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị / Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát / Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:**

Không

*** Thông tin chi tiết về cổ đông lớn chiếm tỷ lệ từ 5% trên vốn điều lệ (theo danh sách chốt ngày 28/03/2018):**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Nguyễn Quang Hòa	08 Nguyễn Thông, Q.3, HCM	3.791.012	12,6
2	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	08 Nguyễn Thông, Q.3, HCM	4.990.812	12,6
3	Trần Thị Đan Thanh	08 Nguyễn Thông, Q.3, HCM	3.236.038	10,7
4	Nguyễn Trần Thảo Hương	08 Nguyễn Thông, Q.3, HCM	2.495.375	8,3
5	Mutual Fund Elite (Quỹ đầu tư CK nước ngoài)	C/O PYN RAHASTOYHTIO OY, TEHTAANKATU 29A, 00150, HELSINKI, FINLAND	1.609.813	5,3
Tổng cộng			16.123.050	53,5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



VI. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Vương Quang Diệu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Trần Duy Kiều	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vương Quang Diệu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018)
Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018)
Bà Trần Thị Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018)
Ông Nguyễn Minh Thư	Phó Tổng Giám đốc dự án (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2018)
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018)
Ông Vương Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Đoàn Hải Nam	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

2500-
NHÀ
NG
HIỆM
LOIT
T N
TP.H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2133-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.540.524.898.600	1.184.390.851.589
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	37.051.667.581	18.370.197.504
1. Tiền	111		9.855.446.966	14.836.197.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.196.220.615	3.534.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		556.319.328.644	421.118.075.990
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	431.447.370.259	200.030.422.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	45.744.674.285	108.082.092.744
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	79.127.284.100	113.005.561.090
III. Hàng tồn kho	140	8	934.442.020.503	744.290.902.658
1. Hàng tồn kho	141		959.949.916.067	744.290.902.658
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.507.895.564)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.711.881.872	611.675.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		350.336.872	514.065.233
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.993.211.197	3.697.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	368.333.803	93.912.839
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		250.948.008.022	180.160.230.224
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.744.800.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.744.800.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		47.151.591.088	43.515.683.402
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	20.186.829.269	16.510.921.587
- Nguyên giá	222		44.302.975.336	39.076.895.075
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.116.146.067)	(22.565.973.488)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	26.964.761.819	27.004.761.815
- Nguyên giá	228		28.226.468.417	28.226.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.261.706.598)	(1.221.706.602)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	82.136.938.979	86.374.432.292
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.065.386.043)	(19.827.892.730)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		119.309.705.098	50.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	119.309.705.098	50.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		604.972.857	265.114.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		512.483.211	234.430.237
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		92.489.646	30.684.293
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.791.472.906.622	1.364.551.081.813

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.349.043.446.606	947.773.961.437
I. Nợ ngắn hạn	310		1.294.051.506.606	885.830.921.437
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	284.619.569.601	103.797.378.404
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	23.911.932.198	7.731.522.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	2.691.981.335	12.961.702.416
4. Phải trả người lao động	314		7.746.416.227	24.435.642.292
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.065.672.426	2.270.588.125
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.173.898.100	352.839.096
7. Vay ngắn hạn	320	17	969.368.825.901	732.779.026.654
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.473.210.818	1.502.221.730
II. Nợ dài hạn	330		54.991.940.000	61.943.040.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	42.991.940.000	42.943.040.000
2. Vay dài hạn	338	18	12.000.000.000	19.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		442.429.460.016	416.777.120.376
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	442.429.460.016	416.777.120.376
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.272.960.000	125.921.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.272.960.000	125.921.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.144.353.637	9.264.443.637
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.447.792.663	139.053.508.956
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.798.610.728	149.475.252.047
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		46.673.023.903	64.175.426.031
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		58.125.586.825	85.299.826.016
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	20	9.744.268.288	5.040.771.036
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.791.472.906.622	1.364.551.081.813


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Phạm Thị Đăng Thơ
Kế toán trưởng


Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.024.416.728.455	4.182.133.528.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.369.087.612	3.941.610.577
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	4.019.047.640.843	4.178.191.918.029
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.841.985.210.220	3.902.363.002.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		177.062.430.623	275.828.915.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.838.012.913	1.345.635.648
7. Chi phí tài chính	22	27	51.207.453.089	54.050.815.284
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.610.088.974	53.935.801.306
8. Lỗ trong công ty liên kết	24	13	(390.294.902)	-
9. Chi phí bán hàng	25	28	34.705.764.874	32.695.683.003
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	45.348.446.855	63.244.443.652
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+(24-25+26))	30		49.248.483.816	127.183.608.858
12. Thu nhập khác	31		30.066.938.407	2.344.158.961
13. Chi phí khác	32		157.315.419	1.687.138.584
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		29.909.622.988	657.020.377
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		79.158.106.804	127.840.629.235
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	15.697.007.188	25.874.629.013
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(61.805.353)	28.215.637
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		63.522.904.969	101.937.784.585
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		60.778.064.472	99.857.957.736
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	20	2.744.840.497	2.079.826.849
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.673	2.700


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Phạm Thị Đăng Thơ
Kế toán trưởng


Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	79.158.106.804	127.840.629.235
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.483.342.774	8.560.446.171
Các khoản dự phòng	03	25.507.895.564	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(487.127.522)	(121.030.337)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.999.451.012)	(9.215.741.265)
Chi phí lãi vay	06	48.610.088.974	53.935.801.306
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	158.272.855.582	181.000.105.110
Thay đổi các khoản phải thu	09	(147.745.963.051)	(161.175.567.879)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(215.659.013.409)	95.069.171.332
Thay đổi các khoản phải trả	11	174.771.248.403	(52.182.662.068)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(114.324.613)	(443.780.407)
Tiền lãi vay đã trả	14	(48.100.967.347)	(54.010.850.846)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.596.655.119)	(24.872.999.810)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	650.600.000	416.610.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.681.784.973)	(42.412.759.153)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(118.204.004.527)	(58.612.733.721)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.742.855.279)	(43.468.081.600)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.590.909.091	97.645.454.546
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(69.700.000.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu tiền lãi tiền gửi, lợi nhuận được chia	27	1.878.267.894	581.882.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(74.973.678.294)	4.759.255.659
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông thiểu số	31	2.720.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.118.138.640.588	3.549.753.734.817
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.888.548.841.341)	(3.490.294.422.074)
4. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(20.450.646.349)	(23.763.315.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	211.859.152.898	35.695.997.566
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	18.681.470.077	(18.157.480.496)
(50=20+30+40)			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.370.197.504	36.527.133.432
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	544.568
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	37.051.667.581	18.370.197.504
(70=50+60+61)			


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Phạm Thị Đăng Thơ
Kế toán trưởng


Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty mẹ, các Công ty con và một Công ty liên kết, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước-Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quận 10, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận sửa đổi lần thứ 20 ngày 30 tháng 3 năm 2018, vốn cổ phần của Công ty là 125.921.670.000 đồng. Công ty đang gửi hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để cấp nhật Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp để tăng vốn cổ phần lên thành 301.272.960.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty mẹ đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TNA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 116 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 107 người).

Hoạt động kinh doanh chính Công ty mẹ là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gởi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

Công ty mẹ bao gồm các chi nhánh, công ty con và công ty liên kết sau:

Chi nhánh

- Trung tâm Kinh doanh Sắt thép Thiên Nam - Chi nhánh Long An được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301172041-003 ngày 08 tháng 3 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.
- Trung tâm Kinh doanh Sắt thép Thiên Nam - Chi nhánh Bình Chánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301172041-004 ngày 09 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Các công ty con

- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0306489067 ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0314760724 ngày 28 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là phân phối sỉ ngành hàng điện máy.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0315160896 ngày 11 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục.

Công ty liên kết

Công ty có một Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2001265436 ngày 16 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại các công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con.



Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua các công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua các công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là các công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

12506
HI NH
ÔNG
NHIỆM
LỢI
ỆT N
TP.H

12506
HI NH
ÔNG
NHIỆM
LỢI
ỆT N
TP.H

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn, chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn và chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

002
ANH
TY
HỮU
HỮU
AM
00

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



NG. 13.12.2019

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	304.392.138	250.155.007
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.551.054.828	14.586.042.497
Các khoản tương đương tiền	27.196.220.615	3.534.000.000
	37.051.667.581	18.370.197.504

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,1%/năm đến 5,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,8%/năm).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tháng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	104.878.948.742	114.748.363.816
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	30.623.160.417	54.162.933.906
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	145.777.329.979	-
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Thép Tây Nam	72.262.285.260	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	77.905.645.861	31.119.124.434
	431.447.370.259	200.030.422.156

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã dùng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 17).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	-	104.296.000.000
Bà Thái Thị Thu Trâm (**)	36.600.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	9.144.674.285	3.786.092.744
	45.744.674.285	108.082.092.744

(*) Các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Khu nhà ở Saigon Mystery Villas, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 100.000.000.000 đồng và dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết với số tiền 4.296.000.000 đồng. Trong năm, các dự án này đã được hai bên thanh lý hợp đồng, không tiếp tục thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh đã hoàn trả số tiền trả trước cho Công ty.

(**) Các khoản trả trước cho Bà Thái Thị Thu Trâm liên quan đến tiền mua đất tại Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	-	100.000.000.000
- Lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (**)	-	11.986.666.667
- Phải thu người lao động	384.913.390	114.760.000
- Ký cược, ký quỹ	40.095.654.584	-
- Phải thu từ cục thuế	11.786.805.882	-
- Bà Lê Thị Một (***)	23.400.000.000	-
- Phải thu khác	3.459.910.244	904.134.423
	79.127.284.100	113.005.561.090
b. Dài hạn		
- Phải thu khác	1.744.800.000	5.000.000
	1.744.800.000	5.000.000

(*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận một khoản tiền cố định, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh. Trong năm, Công ty đã tất toán tất cả các khoản đầu tư với hình thức hợp tác kinh doanh.

(**) Trong năm, khoản lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh đã được thu hồi.

(***) Trong năm, Công ty đã trả trước cho Bà Lê Thị Một tiền mua đất tại Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, do các bên đã thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Bà Lê Thị Một sẽ hoàn trả khoản tiền ứng trước lại cho Công ty.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	194.325.853.782	(10.392.682.465)	3.008.337.236	-
Nguyên liệu, vật liệu	83.615.442.504	-	233.058.870.510	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	590.144.824	-	467.666.788	-
Hàng hóa	680.159.200.507	(15.115.213.099)	507.756.028.124	-
Hàng gửi đi bán	1.259.274.450	-	-	-
	959.949.916.067	(25.507.895.564)	744.290.902.658	-

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 25.507.895.564 đồng (năm 2017: Không đồng) do giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 17).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Truy thu thuế các năm trước VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	8.043.119.379	26.564.960.516	-	(34.273.626.684)	334.453.211
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	88.516.510.493	-	(88.516.510.493)	-
Thuế xuất nhập khẩu	(93.912.839)	3.835.908.711	-	(3.741.995.872)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	5.165.869	-	(5.165.869)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.622.792.859	15.697.007.188	9.871.460	(18.596.655.119)	1.733.016.388
Thuế thu nhập cá nhân	295.790.178	8.280.677.981	-	(8.320.290.226)	256.177.933
Tiền thuế đất	-	4.145.138.043	-	(4.145.138.043)	-
Các loại thuế khác	-	11.000.058	-	(11.000.058)	-
	12.867.789.577	147.056.368.859	9.871.460	(157.610.382.364)	2.323.647.532
<i>Trong đó:</i>					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	93.912.839				368.333.803
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.961.702.416				2.691.981.335

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số đầu năm	11.498.803.834	17.819.415.524	9.603.658.831	124.951.636	30.065.250	39.076.895.075
Tăng trong năm	3.279.524.893	1.352.844.549	4.170.453.037	-	-	8.802.822.479
Thanh lý	-	(844.467.218)	(2.732.275.000)	-	-	(3.576.742.218)
Số cuối năm	14.778.328.727	18.327.792.855	11.041.836.868	124.951.636	30.065.250	44.302.975.336

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm	6.074.864.719	10.697.877.639	5.655.733.115	107.432.765	30.065.250	22.565.973.488
Khấu hao trong năm	768.404.547	1.988.222.094	1.438.158.284	11.064.540	-	4.205.849.465
Thanh lý	-	(796.211.951)	(1.859.464.935)	-	-	(2.655.676.886)
Số cuối năm	6.843.269.266	11.889.887.782	5.234.426.464	118.497.305	30.065.250	24.116.146.067

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	5.423.939.115	7.121.537.885	3.947.925.716	17.518.871	-	16.510.921.587
Tại ngày cuối năm	7.935.059.461	6.437.905.073	5.807.410.404	6.454.331	-	20.186.829.269

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thể chấp một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.701.083.525 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.982.476.373 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11.182.069.272 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6.836.128.514 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí san lấp mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	25.255.147.500	2.620.320.917	351.000.000	28.226.468.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	960.706.605	260.999.997	1.221.706.602
Khấu hao trong năm	-	-	39.999.996	39.999.996
Số dư cuối năm	-	960.706.605	300.999.993	1.261.706.598
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	25.255.147.500	1.659.614.312	90.000.003	27.004.761.815
Tại ngày cuối năm	25.255.147.500	1.659.614.312	50.000.007	26.964.761.819

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 231.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 231.000.000 đồng).

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	106.202.325.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	19.827.892.730
Khấu hao trong năm	4.237.493.313
Số dư cuối năm	24.065.386.043
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	86.374.432.292
Tại ngày cuối năm	82.136.938.979

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 82.136.938.979 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 86.374.432.292 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay tại ngân hàng.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 378.584.199 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 237.548.984 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	119.700.000.000	50.000.000.000
Phần lỗ phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(390.294.902)	-
	119.309.705.098	50.000.000.000

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	Tỉnh Cà Mau	22,5%	22,5%	Kinh doanh bất động sản

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị VND	Giá trị VND
Metal One Corporation	-	88.089.675.336
Smart Timing Steel Limited	196.949.559.269	-
Các nhà cung cấp khác	87.670.010.332	15.707.703.068
	284.619.569.601	103.797.378.404

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Tuấn Hòa (*)	15.000.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	8.911.932.198	7.731.522.720
	23.911.932.198	7.731.522.720

(*) Khoản trả tiền trước của Ông Nguyễn Tuấn Hòa là khoản đặt cọc và cam kết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các thửa đất tọa lạc tại Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	228.295.000	194.745.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.010.000	8.010.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	937.593.100	150.084.096
	1.173.898.100	352.839.096
b. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	42.991.940.000	42.943.040.000
	42.991.940.000	42.943.040.000

(*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.

17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Các khoản vay ngắn hạn	725.779.026.654	3.118.138.640.588	(2.881.548.841.341)	962.368.825.901
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	97.200.000.000	34.950.000.000	(132.150.000.000)	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	301.885.766.437	1.220.199.369.421	(1.158.687.176.062)	363.397.959.796
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	239.530.598.324	988.985.206.692	(936.391.368.241)	292.124.436.775
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	35.002.009.893	121.874.792.596	(156.876.802.489)	-
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.400.000.000	9.901.129.220	(12.301.129.220)	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	49.760.652.000	282.740.609.117	(182.723.583.975)	149.777.677.142
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	48.186.987.800	-	48.186.987.800
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	402.300.545.742	(302.418.781.354)	99.881.764.388
- Chi nhánh Bến Thành	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
- Vay ngắn hạn khác	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	7.000.000.000	7.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000
	732.779.026.654	3.125.138.640.588	(2.888.548.841.341)	969.368.825.901

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại và cá nhân với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi Ngân hàng tại ngày giải ngân. Các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở LC để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như trình bày tại Thuyết minh số 4, 5, 8, 10 và 12 hoặc không có tài sản bảo đảm.

18. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	26.000.000.000	-	(7.000.000.000)	19.000.000.000
	26.000.000.000	-	(7.000.000.000)	19.000.000.000
Trong đó:				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	7.000.000.000			7.000.000.000
- Số phải trả sau 12 tháng	19.000.000.000			12.000.000.000

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.000.000.000	12.000.000.000
	19.000.000.000	26.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 17)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	12.000.000.000	19.000.000.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Công ty mẹ như sau:

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.127.296	12.592.167
Số lượng cổ phiếu quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>29.782.342</u>	<u>12.247.213</u>

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	101.047.770.000	34.138.343.637	(11.978.525.300)	99.444.570.161	150.135.986.905	3.939.913.118	376.728.058.521
Tăng vốn trong năm	24.873.900.000	(24.873.900.000)	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	99.857.957.736	2.079.826.849	101.937.784.585
Phân phối quỹ	-	-	-	39.886.249.041	(39.886.249.041)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(34.505.139.460)	-	(34.505.139.460)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.616.900.093)	-	(3.616.900.093)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(22.007.036.000)	(1.756.279.177)	(23.763.315.177)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(503.368.000)	-	(503.368.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(277.310.246)	-	277.310.246	-
Số dư đầu năm nay	125.921.670.000	9.264.443.637	(11.978.525.300)	139.053.508.956	149.475.252.047	5.040.771.036	416.777.120.376
Tăng vốn trong năm (1)	175.351.290.000	(5.120.090.000)	-	(139.053.508.956)	(31.177.691.044)	-	-
Tăng vốn thành lập Công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	60.778.064.472	2.720.000.000	2.720.000.000
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	35.766.276.267	(35.766.276.267)	2.744.840.497	63.522.904.969
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(13.172.144.198)	-	(13.172.144.198)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(6.267.774.782)	-	(6.267.774.782)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(18.370.819.500)	(2.079.826.849)	(20.450.646.349)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(1.318.483.604)	-	1.318.483.604	-
Số dư cuối năm	301.272.960.000	4.144.353.637	(11.978.525.300)	34.447.792.663	104.798.610.728	9.744.268.288	442.429.460.016

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 3 năm 2018, Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, người lao động và cổ đông chiến lược. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và người lao động với tổng số cổ phiếu là 17.535.129 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư và phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; trong đó 512.009 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động. Số lượng cổ phiếu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 30.127.296 cổ phiếu. Trong năm, Công ty chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2018, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2018, Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2017 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 với số tiền là 30.618.032.500 đồng (trong đó, 12.247.213.000 đồng cổ tức đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2017). Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 18.370.819.500 đồng.



10/10/2018

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam		
Vốn điều lệ của công ty con	4.000.000.000	4.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.040.000.000	2.800.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	1.960.000.000	1.200.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	49%	30%
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168		
Vốn điều lệ của công ty con	50.000.000.000	50.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	37.500.000.000	37.500.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	12.500.000.000	12.500.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	25%	25%
Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam		
Vốn điều lệ của công ty con	80.000.000.000	80.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	54.400.000.000	54.400.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	25.600.000.000	25.600.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	32%	32%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	103.514.606.353	42.792.363.807
Tổng nợ phải trả	(49.410.923.351)	(32.009.389.668)
Tài sản thuần	54.103.683.002	10.782.974.139
<i>Chi tiết như sau:</i>		
- Vốn điều lệ	49.400.000.000	4.500.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	5.264.138.349	4.203.147.290
- (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(560.455.347)	2.079.826.849
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	9.744.268.288	5.040.771.036
<i>Chi tiết như sau:</i>		
- Vốn điều lệ	4.420.000.000	1.700.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	2.579.427.791	1.260.944.187
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.744.840.497	2.079.826.849

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	6.150.313.100	9.243.674.882
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.744.840.497	2.079.826.849

21. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo thời hạn: - Trong vòng một năm	735.854.545 735.854.545	834.327.273 834.327.273

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng và các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm (chiếm tỷ trọng khoảng 3% tổng doanh thu) cũng như các niên độ kế toán trước (chiếm tỷ trọng khoảng 3% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các năm trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn xuất bán hàng hóa trong nội địa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	3.281.741.765.861	3.239.864.193.024
- Doanh thu thành phẩm đã bán	687.875.598.433	823.767.115.200
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	33.360.270.417	34.185.237.538
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	38.431.272.727
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	16.817.508.333	40.632.166.667
- Doanh thu dịch vụ khác	4.621.585.411	5.253.543.450
	4.024.416.728.455	4.182.133.528.606
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	4.116.161.520	2.610.532.846
- Chiết khấu thương mại	1.252.926.092	1.331.077.731
	5.369.087.612	3.941.610.577
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.019.047.640.843	4.178.191.918.029
Trong đó		
- Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	17.440.837.816	17.520.948.138

1-002-
ANH
TY
HUU
TTE
AM
OCH

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.150.964.644.886	3.070.662.573.145
Giá vốn của thành phẩm đã bán	658.559.171.974	789.984.450.643
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	6.953.497.796	11.400.979.092
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	30.315.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25.507.895.564	-
	3.841.985.210.220	3.902.363.002.880

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	649.404.412.088	777.452.117.576
Chi phí nhân công	43.117.594.220	64.817.854.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8.483.342.774	8.560.446.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.681.086.099	31.376.737.400
Chi phí khác bằng tiền	14.667.219.973	15.106.429.126
	751.353.655.154	897.313.585.136

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.921.304.170	587.825.716
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần (Thuyết minh số 34)	798.597.985	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.095.897.082	609.435.745
Lãi chậm thanh toán	22.213.676	148.374.187
	3.838.012.913	1.345.635.648

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	48.610.088.974	53.935.801.306
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.590.274.740	115.013.978
Khác	7.089.375	-
	51.207.453.089	54.050.815.284

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	11.798.704.758	9.146.159.666
Chi phí vật liệu, bao bì	1.239.196.336	874.008.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	857.930.635	936.310.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.281.215.897	16.006.981.159
- Chi phí tiện ích	3.087.077.818	2.924.486.131
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	7.531.927.767	6.982.129.118
- Chi phí thuê kho, bảo trì	3.661.873.312	4.548.916.117
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	337.000	1.551.449.793
Chi phí khác bằng tiền	6.528.717.248	5.732.223.375
	34.705.764.874	32.695.683.003

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	31.318.889.462	55.671.695.197
Chi phí vật liệu, bao bì	742.637.827	674.507.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.320.722.216	1.275.385.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.903.003.073	1.288.907.518
Chi phí khác bằng tiền	4.063.194.277	4.333.948.087
	45.348.446.855	63.244.443.652

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	79.158.106.804	127.840.629.235
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>5.533.724.217</i>	<i>2.459.752.887</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(6.206.795.079)</i>	<i>(141.078.188)</i>
Thu nhập tính thuế	78.485.035.942	130.159.303.934
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.697.007.188	26.031.860.786
Điều chỉnh thuế các năm trước	-	(157.231.773)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau điều chỉnh	15.697.007.188	25.874.629.013

Công ty mẹ và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	60.778.064.472	99.857.957.736
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(10.940.051.605)	(19.439.918.980)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.838.012.867	80.418.038.756
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.782.342	29.782.342
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.673	2.700

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trích bằng 18% lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ trích hàng năm. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", tổng số cổ phiếu bình quân trong kỳ được điều chỉnh do trong năm Công ty phát hành thêm tổng số lượng cổ phiếu là 17.535.129 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2018. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 đã được trình bày lại.

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện khoản thuê kho và thuê văn phòng với thời hạn thuê từ 01 (một) đến 02 (hai) năm.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	981.368.825.901	751.779.026.654
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	37.051.667.581	18.370.197.504
Nợ thuần	944.317.158.320	733.408.829.150
Vốn chủ sở hữu	442.429.460.016	416.777.120.376
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,13	1,76

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.051.667.581	18.370.197.504
Phải thu khách hàng và phải thu khác	511.934.540.969	312.926.223.246
	548.986.208.550	331.296.420.750
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	981.368.825.901	751.779.026.654
Phải trả người bán và phải trả khác	328.785.407.701	147.093.257.500
Chi phí phải trả	3.065.672.426	2.270.588.125
	1.313.219.906.028	901.142.872.279

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm/(tăng) 19.627.376.518 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 15.035.580.533 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen như trình bày tại Thuyết minh số 5. Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

00-
HÁ
T
M H
IT
NAI
HỒ
41
7
0
9
A
TNA
1711

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.051.667.581	-	-	37.051.667.581
Phải thu khách hàng và phải thu khác	510.189.740.969	1.744.800.000	-	511.934.540.969
	547.241.408.550	1.744.800.000	-	548.986.208.550
Các khoản vay	969.368.825.901	12.000.000.000	-	981.368.825.901
Phải trả người bán và phải trả khác	285.793.467.701	4.991.940.000	38.000.000.000	328.785.407.701
Chi phí phải trả	3.065.672.426	-	-	3.065.672.426
	1.258.227.966.028	16.991.940.000	38.000.000.000	1.313.219.906.028
Chênh lệch thanh khoản thuần	(710.986.557.478)	(15.247.140.000)	(38.000.000.000)	(764.233.697.478)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.370.197.504	-	-	18.370.197.504
Phải thu khách hàng và phải thu khác	312.921.223.246	5.000.000	-	312.926.223.246
	331.291.420.750	5.000.000	-	331.296.420.750
Các khoản vay	732.779.026.654	19.000.000.000	-	751.779.026.654
Phải trả người bán và phải trả khác	104.150.217.500	4.943.040.000	38.000.000.000	147.093.257.500
Chi phí phải trả	2.270.588.125	-	-	2.270.588.125
	839.199.832.279	23.943.040.000	38.000.000.000	901.142.872.279
Chênh lệch thanh khoản thuần	(507.908.411.529)	(23.938.040.000)	(38.000.000.000)	(569.846.451.529)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng phần doanh thu phát sinh dựa trên các đơn hàng và hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển nhanh giúp Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268
 Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa
 Ông Nguyễn Phan Bảo Anh

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Cùng ban lãnh đạo
 Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	17.440.837.816	17.520.948.138
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	69.700.000.000	-
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần		
Ông Nguyễn Phan Bảo Anh	798.597.985	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao	20.474.904.760	17.712.095.000
Phụ cấp	1.076.802.000	605.283.200

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp		
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển		
Sài Gòn 268	119.700.000.000	50.000.000.000

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.547.280.829 đồng, là số tiền lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 1.038.159.202 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Thu nhập lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 61.413.076 đồng, là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Tuy nhiên, tiền thu từ tiền gửi trong năm đã bao gồm 18.376.800 đồng là số tiền lãi của năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Phạm Thị Đăng Thơ
Kế toán trưởng



Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THIÊN NAM



111 -121 Ngô Gia Tự, P. 12, Q.10, Tp. HCM



028 3834 8980



www.tna.com.vn

Mã chứng khoán: TNA